

Bản án số: 54/2024/DS-PT

Ngày: 17/01/2024

V/v Tranh chấp Thay đổi
người giám hộ.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Giang

Các Thẩm phán: Ông Bùi Hữu Nhân

Bà Doãn Thị Kim Thúy

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Thủy là Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tố Quyên là Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 01 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 607/2023/TLPT-DS, ngày 22 tháng 11 năm 2023 về việc: “Tranh chấp Thay đổi người giám hộ”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 234/2023/DS-ST, ngày 18 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 5995/2023/QĐ-PT, ngày 18 tháng 12 năm 2023;

Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 136/2024/QĐ-PT, ngày 05 tháng 01 năm 2024, giữa:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị Thu A. Sinh năm 1976.

Địa chỉ: 10/8 khu phố A, Thị trấn N, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Văn Y. Sinh năm 1975.

Địa chỉ: E12.09 Chung cư T, phường T, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. (Theo Giấy ủy quyền số công chứng 002516, Quyền số 05/2023/TP/CC-SCC/HĐGD, ngày 30/5/2023 lập tại Văn phòng Công chứng D). (Có mặt).

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị B. Sinh năm 1966.

Địa chỉ: 983 đường R, xã P, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Nguyễn Thị B:

Ông Nguyễn Minh H. Luật sư của Văn phòng Luật sư H thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: 89 - 91 đường V, phường B, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1 Bà Trần Thị C. Sinh năm 1942.

Địa chỉ: 10/8 khu phố A, Thị trấn N, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt).

3.2 Bà Lê Thị Tuyết N. Sinh năm 1994.

Địa chỉ: 10/8 khu phố A, Thị trấn N, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt).

4. Người làm chứng:

Ông Lê Văn H. Sinh năm 1962.

Địa chỉ: 10/9 khu phố A, thị trấn N, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt).

5. Người kháng cáo: Bị đơn bà Nguyễn Thị B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa nguyên đơn bà Trần Thị Thu A trình bày:

Lúc sinh thời, Ông Lê Văn P (đã chết năm 2014) và bà Nguyễn Thị B sống chung nhưng không có con, ông P và bà B có nhận trẻ Lê Thị Tuyết N sinh ngày 14/4/1994 làm con nuôi và đã đăng ký khai sinh cho trẻ N.

Năm 2005 ông P và bà B ly hôn, trẻ N được ông P nuôi dưỡng tại địa chỉ nhà số 10/8 Đường R, khu phố A, Thị trấn N, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh (nhà ông P sống cùng mẹ là bà Trần Thị C và em gái là cô Trần Thị Thu A).

Năm 2014 ông P chết, cháu N tiếp tục sống tại nhà địa chỉ số 10/8 Đường R với Bà C và bà A.

Năm 2020, bà B gửi đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện N xin tuyên bố cháu N là người có khó khăn trong nhận thức, không làm chủ hành vi và được Tòa án chấp thuận, theo đó Tòa án chỉ định bà Nguyễn Thị B là người giám hộ cho cháu Lê Thị Tuyết N theo Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 69/2021/QĐST-DS, ngày 17/5/2021.

Sau khi được giao quyền giám hộ cho cháu N, bà B mang cháu N về nuôi dưỡng tại nhà địa chỉ số 983 đường R, xã P, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh (nhà bà B). Cháu N sống với bà B được một thời gian thì đến ngày 28/11/2021

cháu N bỏ về lại nhà số 10/8 Đường R, khu phố A, thị trấn N, huyện N để sống cùng bà C và bà A cho đến nay.

Do đó, bà A làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giao cho bà trực tiếp giám hộ cho cháu N vì theo bà A, cháu N đã bị bà B ngược đãi, bạo hành, thường xuyên áp bức tinh thần dẫn đến việc cháu phải bỏ trốn như trên.

Theo bản khai ngày 30/5/2023, ngày 27/6/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa bị đơn bà Nguyễn Thị B trình bày:

Quá trình nhận nuôi cháu Lê Thị Tuyết N và nơi sinh sống của cháu N cho đến nay như bà A trình bày.

Theo bà B, sau khi ly hôn mặc dù cháu N sinh sống chủ yếu tại nhà ông P với bà C, bà A nhưng bà vẫn thường xuyên qua lại đưa tiền cho cháu N sinh hoạt. Cho đến khoảng một năm nay cháu N xin bà được về nhà 10/8 Đường R, khu phố A, Thị trấn N, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh để ở và kêu bà về ở chung, nhưng bà không theo được vì ngại đụng chạm với bà A, vì vậy cháu N đã về căn nhà số 10/8 Đường R ở cho đến nay. Trong thời gian đó bà vẫn thường xuyên đến thăm và cho cháu N tiền sinh hoạt. Bà không đồng ý việc bà A xin thay đổi người giám hộ.

Tại bản tự khai ngày 20/6/2023 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị C trình bày:

Thống nhất với trình bày và yêu cầu của bà Trần Thị Thu A. Bà C đề nghị giải quyết vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Người làm chứng ông Lê Văn H trình bày:

Ông H là em họ của bà Trần Thị C, cháu Lê Thị Tuyết N kêu ông là ông cậu. Ông là người ở kế bên nhà bà C và thường xuyên cùng bà C nuôi dưỡng, chăm sóc cho cháu N, mọi sinh hoạt, tính tình của cháu N ông đều biết. Sau khi ông P và bà B ly hôn thì cháu N vẫn sống cùng bà C. Cháu N hoàn toàn là đứa trẻ khỏe mạnh bình thường, chỉ có biểu hiện hơi chậm so với những trẻ cùng trang lứa. Trong thời gian ông P còn sống cháu N không hề có biểu hiện gì về thần kinh mà phát triển khỏe mạnh. Tuy nhiên sau khi gia đình phát hiện cháu N có thai, gần đến ngày sinh thì bà B dụ dỗ kêu cháu về sống chung để chăm sóc. Chính ông là người động viên cháu N về sống với bà B do ông nghĩ bà B cũng là mẹ. Tuy nhiên, thực tế sau khi cháu N sống với bà B được khoảng một thời gian ngắn thì ông nghe cháu N kể chuyện bị bà B đối xử tệ bạc đánh đập, nhốt trong phòng, mỗi ngày chỉ cho ăn một lần, không cho ra ngoài, nếu cháu N đòi phải lấy sữa hộp của con mà uống. Ông P hát hiện trên cổ, lưng, bẹn của cháu N có nhiều vết bầm. Khi ông hỏi lại bà B vì sao cháu N bị như vậy thì chồng sau của bà B còn hăm dọa đòi chửi, đánh ông. Sau khi xảy ra những sự việc trên cháu N thường xuyên viết thư cho ông để tâm sự. Ông cũng yêu cầu Tòa án chấp thuận cho cháu N được về sống chung bên gia đình bà C với bà A.

Theo biên bản lấy lời khai của cháu Lê Thị Tuyết N ngày 27/6/2023 (có chứng kiến của người giám hộ là bà Nguyễn Thị B) trình bày:

Thời điểm tháng 11/2021, cháu N tự ý về sống với bà A do nghe thông tin bà B muốn tranh chấp căn nhà số 10/8 Đường R, khu phố A, Thị trấn N, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh của cháu N đã từng ở trước đó, hơn nữa cháu N xác định sống bên bà nội và cô A vui hơn. Tại phiên tòa cháu N cũng xác định những lời trình bày của bà B về quá trình nuôi dưỡng chăm sóc cháu N là không đúng, cháu N không được bà B quan tâm và yêu thương, thường xuyên la mắng, đánh đập và không được cho tiền để tiêu xài hàng tháng như bà B trình bày.

Phát biểu của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng:

Về hình thức: Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tại phiên tòa.

Về nội dung: Căn cứ Biên bản xác minh tại Hội Liên hiệp phụ nữ Thị trấn N có thể hiện: “Chị Lê Thị Tuyết N có hơi yếu về mặt giao tiếp, rất cần có người giám hộ. Theo trình bày chị Lê Thị Tuyết N mong muốn ở cùng bà nội và cô tại chính ngôi nhà của mình đã sinh sống cùng cha trước đây”. Ngoài ra qua các tài liệu chứng cứ được Tòa án thu thập cho thấy bà B không thực hiện đúng nghĩa vụ của người giám hộ theo quy định tại Điều 57 Bộ luật dân sự 2015. Tại Tòa, cháu N khẳng định không muốn tiếp tục sống với bà B và có yêu cầu Tòa án thay đổi người giám hộ cho cháu là bà Trần Thị Thu A. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 234/2023/DS-ST, ngày 18 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên:

Căn cứ vào Khoản 14 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 2 Điều 228, Điều 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào các Điều 46, 47, 48, 49, 51, 54, 57, 60, 61 Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Thu A: Bà Trần Thị Thu A được thay thế bà Nguyễn Thị B là người giám hộ cho Lê Thị Tuyết N, sinh ngày 14/4/1994.

Quyền và nghĩa vụ của người giám hộ được thực hiện theo quy định tại Điều 57, 58 Bộ luật dân sự 2015.

Bà Nguyễn Thị B có nghĩa vụ chuyển giao quyền giám hộ cho bà Trần Thị Thu A trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Giao Ủy ban nhân dân Thị trấn N, huyện N cử cá nhân hoặc pháp nhân giám sát việc giám hộ cũng như chứng kiến việc chuyển giao giám hộ giữa bà Nguyễn Thị B với bà Trần Thị Thu A.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Trần Thị Thu A được hoàn lại tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số AA/2022/0003667, ngày 13/4/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện N.

Bà Nguyễn Thị B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng. Nộp Cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

Ngoài ra bản án còn tuyên quyền kháng cáo và thi hành án của các đương sự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 21/9/2023 bị đơn bà Nguyễn Thị B có đơn kháng cáo không đồng ý quyết định của bản án sơ thẩm, với lý do: Bản án của Tòa sơ thẩm chưa xem xét, đánh giá đúng những tình tiết, sự việc khách quan của vụ án, không phù hợp với quy định của Bộ luật dân sự và Luật Hôn nhân và gia đình về việc giám hộ, không xem xét đến sự thật khách quan bị đơn là mẹ nuôi của cháu Lê Thị Tuyết N đang có tranh chấp quyền lợi về tài sản đối với nguyên đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bị đơn, sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Thu A.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo như đã được nêu trong đơn.

Nguyên đơn xác định Tòa sơ thẩm đã giải quyết đúng quan hệ pháp luật có tranh chấp và đề nghị giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân thủ pháp luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại giai đoạn phúc thẩm như sau:

Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn được nộp trong hạn luật định là hợp lệ, bị đơn đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm, đủ điều kiện để được giải quyết kháng cáo theo quy định.

Về nội dung: Sau khi kiểm tra tài liệu chứng cứ được các bên đương sự xuất trình, thấy rằng: căn cứ theo kết quả xác minh của Hội Liên hiệp phụ nữ huyện N và kết quả đánh giá thang đo lường Hamilton của cơ sở y tế địa phương cùng trạng thái tâm lý của chị Lê Thị Tuyết N đã được thu thập tại cấp sơ thẩm có cơ sở xác định trong thời gian được cử với tư cách người giám hộ cho người bị hạn chế năng lực hành vi bà Nguyễn Thị B đã không bảo đảm việc chăm sóc, điều trị bệnh cho người được giám hộ, vi phạm quy định tại điểm c Khoản 1 Điều 57 Bộ luật dân sự 2015, Tòa sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn để bà Trần Thị Thu A được thay thế bà Nguyễn Thị B là người giám hộ cho chị Lê Thị Tuyết N, sinh ngày 14/4/1994 là có căn cứ đúng với thực tế hiện tại. Ngoài ra, Tòa sơ thẩm còn tuyên giao cho Ủy ban nhân dân Thị trấn N của cá nhân hoặc pháp nhân giám sát việc giám hộ, chứng kiến việc chuyển giao quyền

giám hộ đối với chị Lê Thị Tuyết N là đúng với quy định. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên các quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

I/ Về thủ tục tố tụng:

Đơn kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị B được thực hiện trong thời hạn luật định là hợp lệ, bị đơn đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm đủ điều kiện để được xem xét giải quyết kháng cáo theo trình tự luật định.

II/ Về nội dung giải quyết kháng cáo:

Xem xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị B, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Ông Lê Văn P và bà Nguyễn Thị B sống chung nhưng không có con, cả hai có nhận trẻ Lê Thị Tuyết N (sinh năm 1994) tại Bệnh viện U (Thành phố Hồ Chí Minh) về nuôi và đăng ký khai sinh cho trẻ N. Năm 2005 ông P và bà B ly hôn, trẻ N được ông P nhận nuôi đưa về sống cùng mẹ ruột ông P và em gái là Trần Thị Thu A tại địa chỉ số 10/8 Đường R, khu phố A, Thị trấn N, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh. Năm 2014 ông P bị bệnh qua đời, cháu N tiếp tục sinh sống tại căn nhà trên cho đến khi phát sinh tranh chấp.

Năm 2020 bà Nguyễn Thị B là mẹ nuôi của N nộp đơn yêu cầu Tòa án nhân dân Huyện N xác định cháu Lê Thị Tuyết N là người có khó khăn trong nhận thức và hành vi. Tòa án có thẩm quyền chỉ định bà B là người giám hộ cho cháu N theo quyết định số 69/2021/QĐST-DS, ngày 17/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện N. Sau khi được giao quyền giám hộ, bà Nguyễn Thị B đưa cháu N về chăm sóc, nuôi dưỡng tại nhà số 983 đường R, xã P, huyện N (là nhà bà B đang ở), nhưng sinh sống tại đây được một thời gian, đến ngày 28/11/2021 cháu N đã tự ý bỏ về lại căn nhà số 10/8 Đường R, khu phố A, Thị trấn N để sống cùng bà nội Trần Thị C và cô Trần Thị Thu A cho đến nay. Từ sự việc này, Tòa sơ thẩm nhận định: Phần lớn thời gian trước đây cháu N sinh sống, phát triển bản thân đến thời điểm hiện tại đều gắn liền với gia đình bà nội và cô A được người thân chăm sóc tốt, được thực hiện việc điều trị bệnh, khám chữa bệnh tại trung tâm y tế khi cháu N có vấn đề về sức khỏe. Trong khi đó thời gian nuôi dưỡng, theo dõi bệnh của bà Nguyễn Thị B đối với cháu N không dài, chỉ giới hạn trong thời gian từ năm 2020 đến 2021, sau đó cháu N tự ý bỏ về sống cùng bà C, cô A từ tháng 11/2021 cho đến nay. Lời khai tại phiên tòa sơ thẩm, cháu N xác định muốn được sống chung bên bà nội và cô A vì cho rằng khi sống chung với mẹ nuôi là bà B, bản thân không được quan tâm và yêu thương, không được mẹ nuôi chu cấp tiền hàng tháng để tiêu xài như trình bày của bà B tại Tòa án.

Trình bày kháng cáo tại phiên tòa bị đơn bà Nguyễn Thị B cho biết: Tòa sơ thẩm xem xét, đánh giá vụ việc tranh chấp không khách quan, không phản ánh đúng sự thật của vụ án, thu thập chứng cứ không đủ để xác định bà Trần Thị Thu A đủ điều kiện để thực hiện việc giám hộ cho cháu Lê Thị Tuyết N vì bị đơn mới chính là mẹ ruột của cháu N, là người thực hiện tốt nghĩa vụ của người mẹ, người bà đối với người được giám hộ và là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu N sau khi cha qua đời. Ngoài kháng cáo như phần trên bị đơn bà Nguyễn Thị B không xuất trình thêm được tài liệu, chứng cứ khác để chứng minh cho vai trò, trách nhiệm của bị đơn trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Lê Thị Tuyết N trong thời gian cháu N được đưa về sinh sống tại nhà của bà B.

Với các tài liệu, chứng cứ của vụ án đã được thu thập và thực trạng khách quan của sự việc; Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng: Sau thời điểm Ông Lê Văn P và bà Nguyễn Thị B ly hôn (năm 2005), cháu Lê Thị Tuyết N có thời gian lâu dài sinh sống cùng cha nuôi (ông P) bà nội (Trần Thị C) và bà Trần Thị Thu A (là em gái ông P tại địa chỉ số 10/8 Đường R, khu phố A, Thị trấn N, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh cho đến năm 2020, khi bà Nguyễn Thị B có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện N tuyên bố cháu N là người có khó khăn trong nhận thức, hạn chế năng lực hành vi nên được Tòa án chỉ định bị đơn làm người giám hộ cho cháu N. Tuy nhiên, khi được nhận trách nhiệm làm người giám hộ, cháu Lê Thị Tuyết N chỉ sinh sống với bà B trong thời gian ngắn đến ngày 28/11/2021 thì tự ý bỏ về lại căn nhà số 10/8 Đường R, khu phố A, Thị trấn N, huyện N sống cùng bà nội và cô A cho đến nay; Tham khảo ý kiến của cháu Lê Thị Tuyết N tại bản khai và tại phiên tòa sơ thẩm, cháu N cho biết: quá trình sống chung với mẹ nuôi tại nhà số 983 đường R, tổ 2 ấp 6 xã P, huyện N cháu N bị bà B đối xử không thân thiện, không được quan tâm và yêu thương, thường bị la mắng, có khi bị đánh đập, không được bà B cho tiền tiêu xài hàng tháng như bị đơn đã trình bày.

Với nội dung sự việc như đã được diễn giải phần trên, bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh nhận định phần lớn thời gian cháu N sinh sống, phát triển cho đến nay đều gắn liền tại gia đình bà nội (bà Trần Thị C) cô A (Trần Thị Thu A), đều được chăm sóc và bảo đảm điều kiện khám chữa bệnh khi cháu N có vấn đề về sức khỏe. Trên cơ sở xem xét hiện trạng thực tế cùng thái độ của người được giao giám hộ, Tòa án nhân dân huyện N đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Thu A về việc thay thế bà Nguyễn Thị B là người giám hộ cho Lê Thị Tuyết N là có căn cứ, phù hợp với điều kiện về sức khỏe và thực tế khách quan vì thời gian sinh sống và gắn bó giữa bà B với Lê Thị Tuyết N không dài, kháng cáo của bị đơn được nêu ra trong đơn và tại phiên tòa phúc thẩm không được chấp nhận, cần giữ nguyên các quyết định của bản án sơ thẩm như đề nghị của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh được phân công tham gia phiên tòa.

Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm do không có kháng cáo, không bị kháng nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Khoản 14 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 2 Điều 228, Điều 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào các Điều 46, 47, 48, 49, 51, 54, 57, 60, 61 Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự;

Tuyên xử:

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị B.

Giữ nguyên quyết định của Bản án dân sự sơ thẩm số 234/2023/DS-ST, ngày 18 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh, như sau:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Thu A : Bà Trần Thị Thu A được thay thế bà Nguyễn Thị B là người giám hộ cho Lê Thị Tuyết N, sinh ngày 14/4/1994.

Quyền và nghĩa vụ của người giám hộ được thực hiện theo quy định tại Điều 57, 58 Bộ luật dân sự 2015.

Bà Nguyễn Thị B có nghĩa vụ chuyển giao quyền giám hộ cho bà Trần Thị Thu A trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Giao cho Ủy ban nhân dân Thị trấn N, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh cử cá nhân hoặc pháp nhân giám sát việc giám hộ cũng như chứng kiến việc chuyển giao quyền giám hộ cháu Lê Thị Tuyết N, giữa bà Nguyễn Thị B với bà Trần Thị Thu A.

Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Trần Thị Thu A được hoàn lại tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số AA/2022/0003667 ngày 13/4/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện N.

Bà Nguyễn Thị B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng. Nộp tại Cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

Án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Nguyễn Thị B phải chịu dân sự phúc thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền số AA/2023/0007632, ngày 06/11/2023 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Án xử phúc thẩm có hiệu lực pháp luật thi hành ngay sau khi tuyên án.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Giang

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Tối cao (1);
- Tòa án nhân dân cấp cao tại Tp.HCM (1);
- Viện kiểm sát NDTp.HCM (2);
- Cục THA Dân sự Tp.HCM (1);
- Tòa án nhân dân Huyện N (2);
- Chi cục THA Dân sự Huyện N (1);
- Các đương sự (5);
- Lưu (20b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Giang